

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẠI TỪ
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2021/ HNGĐ - ST

Ngày: 27/7/2021

V/v: H - T

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ TỈNH THÁI NGUYÊN**

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Hồng Mây

Các hội thẩm nhân dân: Ông Chu Hồng Thái và bà Vũ Thị Xuyến

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên tòa: Bà Đào Hồng Thanh – Thư ký
TAND huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên tòa:
- Bà Nguyễn Như Hào - Kiểm sát viên

Ngày 27 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 152/2021/TLST - HNGĐ, ngày 15 tháng 6 năm 2021 về việc “Không công nhận quan hệ vợ chồng” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2021/QĐST - HNGĐ ngày 09 tháng 7 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Trần Đức H, sinh năm 1979 - Vắng mặt có lý do

Trú tại: Xóm Q, xã P, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

- Bị đơn: Vũ Thị T, sinh năm 1985 - Có mặt

Trú tại: Xóm 11, xã P, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn xin ly hôn, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là anh Trần Đức H trình bày: Tôi và chị Vũ Thị T kết hôn năm 2002, không làm thủ tục đăng ký kết hôn chỉ tổ chức lễ cưới theo phong tục. Quá trình chung sống hạnh phúc đến năm 2014 thì cô T bỏ về nhà mẹ đẻ ở từ đó đến nay. Nay tôi thấy cuộc sống hôn nhân giữa tôi và chị T không thể kéo dài được, vì vậy xin ly hôn chị T.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có hai con chung là Trần Thị Hồng M, sinh ngày 25/4/2003 đã đi lấy chồng; Trần Quang V, sinh ngày 17/5/2007. Khi ly hôn tôi có nguyện vọng nuôi cháu V và không yêu cầu Tòa án giải quyết phần góp phí tổn nuôi con chung mà chúng tôi sẽ tự thỏa thuận.

Về tài sản chung, nợ chung và các khoản cho vay: Không có.

Tại bản tự khai và các lời khai trong quá trình giải quyết bị đơn là chị Vũ Thị T trình bày: Tôi nhất trí với lời khai của anh H về thời gian kết hôn, tài sản

chung, nợ chung và các khoản cho vay như anh H đã trình bày. Vợ chồng tôi lấy nhau không hợp nhau về tính tình nên sống ly thân từ cuối năm 2014. Nay tôi xác định vợ chồng không còn tình cảm nên tôi nhất trí ly hôn với anh H.

Về con chung: vợ chồng có hai con chung là Trần Thị Hồng M, sinh ngày 25/4/2003 đã đi lấy chồng; Trần Quang V, sinh ngày 17/5/2007. Tôi nhất trí để anh H nuôi cháu V và không yêu cầu Tòa án giải quyết phần góp phí tổn nuôi con chung mà chúng tôi sẽ tự thỏa thuận.

Về tài sản chung, nợ chung, các khoản cho vay: không có.

Do vụ án không được hoà giải và công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về quan hệ hôn nhân nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử công khai ngày hôm nay.

Tại phiên tòa anh H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt anh; chị T giữ nguyên quan điểm nhất trí ly hôn và dành quyền nuôi con cho anh H, việc cấp dưỡng nuôi con do hai bên tự thỏa thuận chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Hội đồng xét xử đã công bố lời khai của anh H trong quá trình giải quyết vụ án, chị T nhất trí với lời khai của anh H và không có ý kiến gì thêm.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng, không có vi phạm gì.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh H và chị T. Về con chung: Giao con chung Trần Quang V, sinh ngày 17/5/2007 cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng.

Tài sản chung, nợ chung: không có nên không xem xét; Về án phí anh H phải chịu án phí LHST theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, qua thẩm tra công khai tại phiên tòa, xem xét ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Đây là vụ án dân sự mà hai đương sự đều cư trú tại xã Phú Lạc, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự tranh chấp này thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

- Về sự có mặt của đương sự: đối với nguyên đơn, anh Trần Đức H có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt chị, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với anh H.

[2] Về nội dung: Năm 2002 anh Trần Đức H và chị Vũ Thị T cưới nhau theo phong tục địa phương nhưng không đăng ký kết hôn nên quan hệ hôn nhân của anh H và chị T không được nhà nước thừa nhận. Sau khi cưới hai bên chung sống đến năm 2014 thì chị T bỏ về nhà mẹ đẻ ở, vợ chồng sống ly thân từ năm 2014 đến nay, anh H có đơn xin ly hôn chị T, chị cũng đồng ý. Xét khi kết hôn hai bên đã không đi đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh H và chị T.

Về con chung: Anh H và chị T đều xác định trong quá trình chung sống có hai con chung là Trần Thị Hồng M, sinh ngày 25/4/2003 đã trưởng thành; Trần Quang V, sinh ngày 17/5/2007. Quá trình giải quyết vụ án anh H có nguyện vọng được nuôi cháu V, chị T nhất trí. Xét nên chấp nhận thoả thuận của hai anh chị giao cháu V cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con hai bên tự thoả thuận và không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung, các khoản cho vay: Các đương sự đều xác định là không có tài sản chung và nợ chung và các khoản cho vay nên Toà án không xem xét giải quyết.

Về án phí: Anh H phải chịu án phí LHST sung công quỹ nhà nước.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 28, 35, 147, 228 Bộ luật tố tụng Dân sự; Điều 14, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. ***Tuyên xử:***

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Trần Đức H và chị Vũ Thị T.

2. *Về con chung:* Giao cho anh H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Trần Quang V, sinh ngày 17/5/2007 cho đến khi con chung tròn 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác. Anh B có quyền đi lại thăm nom con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Hội đồng xét xử không giải quyết.

3. *Về tài sản chung:* Hội đồng xét xử không giải quyết.

4. *Về án phí:* Anh H phải chịu 300.000 đồng án phí LHST sung công quỹ nhà nước (được trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai 0013843 ngày 11/6/2021 tại Chi cục THADS huyện Đ).

Báo cho cho anh H, chị T biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án đối với người có mặt tại phiên toà; kể từ ngày nhận được bản án đối với người vắng mặt tại phiên toà.

Nơi nhận:

- Các đương sự
- VKSND huyện Đ
- THADS huyện Đ
- TAND tỉnh Thái Nguyên
- UBND xã
- Lưu VT, HS

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

NGUYỄN HỒNG MÂY

